Phòng GD&ĐT Krông Ana
Trường THCS Lương Thế Vinh

BẢNG ĐIỂM CÁ NHÂN HK1 - NH: 2013_2014

Giáo viên: Nguyễn Thị Trang, Lớp: 7A4, Môn: Văn

STT	Họ và tên lót	Tên	Nữ	DT	Nữ DT	M	15 Phút			1 Tiết					Thi	ĐTB
1	Trần Thị Kim	Chi	X			8	9.0	9.0	7.0	7.0	7.5	10.0	9.5	7.5	**8.5**	**8.3**
2	H -	Dên ÊBan	X	X	X	7	3.0	5.0	5.0	3.5	5.0	9.5	5.8	5.0	**5.8**	**5.6**
3	Nguyễn Trung	Đức				7	4.0	6.0	5.0	4.0	5.0	6.5	4.3	5.5	**6.5**	**5.4**
4	Bùi Quang	Hà				7	7.0	6.0	5.0	5.0	5.0	6.5	7.5	4.5	**6.5**	**6.0**
5	Nguyễn Thanh	Hải				7	7.0	5.0	5.0	6.0	5.0	8.0	7.8	5.5	**7.0**	**6.4**
6	Phạm Thị Ngọc	Hân	X			10	9.0	9.0	8.0	6.5	6.5	10.0	9.5	7.0	**8.0**	**8.2**
7	Nguyễn Đức	Hiếu				6	7.0	8.0	7.0	5.0	5.5	8.5	5.5	6.5	**7.0**	**6.5**
8	Văn Thị Ngọc	Huyền	X			3	6.0	7.0	6.0	4.5	5.0	7.0	5.5	5.0	**5.3**	**5.4**
9	Nguyễn Văn	Hưng				4	5.0	8.0	5.0	4.5	4.5	8.5	7.0	5.5	**6.3**	**5.9**
10	Nguyễn Thị Mỹ	Lâm	X			7	5.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.3	9.0	6.5	**8.5**	**7.6**
11	Hoàng Ngọc	Lâm				4	3.0	2.0	7.0	4.5	4.5	7.3	4.0	5.0	**6.0**	**5.0**
12	Y	Nam Êcăm		X		5	3.0	6.0	4.0	4.0	3.0	3.0	4.5	4.5	**5.3**	**4.2**
13	Đàm Thị	Nga	X			6	6.0	6.0	6.0	5.0	5.5	9.5	7.0	5.0	**6.5**	**6.3**
14	H'	Ngem BKrông	X	X	X	5	4.0	6.0	5.0	4.0	5.0	5.8	4.5	5.0	**5.8**	**5.1**
15	Y	Nguyên Bkrông		X		8	3.0	7.0	4.0	5.0	5.0	5.5	8.0	5.0	**6.0**	**5.7**
16	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	X			6	6.0	8.0	7.0	4.0	6.0	9.5	9.0	5.0	**7.5**	**6.9**
17	Vũ Duy	Sang				7	8.0	8.0	7.0	5.0	5.5	8.5	7.5	5.0	**6.8**	**6.7**
18	Nguyễn Anh	Thao				7	8.0	7.0	4.0	5.5	5.0	8.8	8.5	5.0	**6.8**	**6.6**
19	Trần Thị	Thái	X			7	5.0	8.0	7.0	6.0	5.5	9.8	9.5	6.0	**7.8**	**7.3**
20	Ngô Quang	Thành				6	5.0	5.0	6.0	4.5	5.0	7.0	8.0	5.0	**6.0**	**5.8**
21	Nguyễn Hữu	Thắng				6	5.0	8.0	6.0	5.0	5.0	8.8	8.5	5.0	**7.0**	**6.5**
22	Y	Thiêm Byă		X		6	6.0	7.0	5.0	3.0	3.5	9.3	6.5	5.5	**5.3**	**5.6**
23	Nguyễn Xuân	Thịnh				9	7.0	7.0	6.0	6.0	6.5	9.5	7.0	5.5	**6.8**	**7.0**
24	Y	Thoa Niê		X		5	3.0	6.0	7.0	4.0	4.5	6.0	8.0	4.0	**5.8**	**5.4**
25	Nguyễn Thị	Thương	X			8	6.0	6.0	7.0	6.0	5.0	9.5	9.0	5.5	**7.5**	**7.0**
26	Bùi Thị Thủy	Tiên	X			9	7.0	8.0	7.0	7.0	7.0	9.5	8.5	7.0	**7.8**	**7.8**
27	Lê Nguyễn Tú	Trinh	X			8	6.0	8.0	8.0	6.0	6.5	10.0	9.8	6.0	**8.0**	**7.7**
28	Vũ Tiến	Trung				5	7.0	8.0	7.0	5.0	5.0	6.5	6.0	5.0	**6.5**	**6.0**
29	H'	Uê Êcăm	X	X	X	4	5.0	7.0	7.0	5.0	5.0	6.3	8.0	5.5	**7.5**	**6.2**
30	Phạm Thị	Vân	X			6	5.0	9.0	7.0	7.0	7.0	9.5	7.0	7.0	**7.5**	**7.3**
31	Vũ Duy	Việt				8	7.0	7.0	5.0	4.0	5.0	8.0	3.5	5.0	**7.0**	**5.8**
32	Đoàn Vũ	Vũ				5	7.0	7.0	7.0	2.0	4.0	9.3	9.0	5.0	**6.5**	**6.1**

Thống kê	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên	
Điểm trung bình môn	2	6.2	12	38	17	53.1	1	3.1	0	0	31	96.9

Người Lập

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giáo Viên

Phòng GD&ĐT Krông Ana
Trường THCS Lương Thế Vinh

BẢNG ĐIỂM CÁ NHÂN HK1 - NH: 2013_2014

Giáo viên: Nguyễn Thị Trang, Lớp: 7A6, Môn: Văn

STT	Họ và tên lót	Tên	Nữ	DT	Nữ DT	M	15 Phút			1 Tiết					Thi	ĐTB
1	Vũ Thị Quỳnh	Anh				7	9.0	10.0	7.0	6.0	10.0	9.3	6.0	7.0	**7.5**	**7.8**
2	Y	Den Byă		X		5	2.0	5.0	5.0	4.0	4.0	4.5	2.0	3.5	**1.5**	**3.4**
3	Ngô Thị	Diễm	X			9	9.0	10.0	5.0	6.0	10.0	9.3	6.0	6.5	**7.3**	**7.7**
4	Phạm Đình	Diễn				5	6.0	6.0	5.0	4.0	9.0	6.5	4.0	5.0	**4.3**	**5.4**
5	Nguyễn Thị	Hằng	X			7	9.0	9.0	9.0	5.5	8.5	9.0	5.5	6.5	**6.8**	**7.3**
6	Đào Văn	Hòa				5	7.0	7.0	5.0	5.5	8.0	7.5	5.5	5.0	**7.5**	**6.4**
7	Ngô Thùy Đỗ Diệu	Linh	X			9	10.0	9.0	7.0	6.0	9.5	9.3	6.0	6.5	**8.0**	**7.9**
8	Vũ Thị Thu	Mai	X			7	7.0	8.0	4.0	5.5	8.3	4.5	5.5	5.5	**6.3**	**6.1**
9	Vũ Thị	Mỹ	X			9	6.0	6.0	7.0	6.5	9.5	7.3	6.5	5.5	**7.3**	**7.1**
10	Nguyễn Văn	Ngừng				9	6.0	8.0	7.0	3.5	7.0	5.0	5.5	5.5	**6.8**	**6.1**
11	Vũ Thị Thùy	Nhi	X			6	9.0	8.0	6.0	7.0	9.8	7.0	6.0	5.5	**8.0**	**7.3**
12	Vũ Kim	Oanh	X			6	5.0	6.0	5.0	5.5	9.8	7.0	5.0	5.0	**6.0**	**6.2**
13	Y	Phốt Êcăm		X		5	3.0	5.0	5.0	4.0	8.3	4.5	4.5	5.5	**4.5**	**5.0**
14	Lại Thị Như	Quỳnh	X	X	X	8	9.0	9.0	5.0	5.5	9.5	9.0	5.5	6.5	**8.5**	**7.6**
15	Đoàn Thị	Quỳnh	X			7	9.0	8.0	6.0	6.0	9.5	9.0	6.0	5.0	**7.0**	**7.2**
16	Nguyễn Hồng	Sơn				7	8.0	6.0	7.0	6.0	7.5	8.8	5.0	6.0	**6.0**	**6.6**
17	Nguyễn Trọng	Sơn				6	6.0	5.0	4.0	5.5	7.8	6.0	4.0	5.0	**5.5**	**5.5**
18	Vũ Thanh	Tâm				4	5.0	7.0	6.0	5.0	5.0	5.3	4.5	5.0	**7.0**	**5.4**
19	Phạm Hồng	Thanh				8	8.0	8.0	5.0	3.0	8.0	6.0	4.0	4.0	**5.5**	**5.6**
20	Nguyễn Tôn Đức	Thắng				6	8.0	9.0	9.0	5.0	5.8	7.0	4.0	4.5	**5.3**	**5.9**
21	Phùng Thị Mai	Thảo	X			6	9.0	6.0	5.0	5.0	9.5	7.0	5.5	5.0	**6.0**	**6.4**
22	Nguyễn Thị Phương	Thảo	X			8	8.0	7.0	5.0	5.5	9.0	8.3	5.5	6.5	**6.5**	**6.9**
23	Nguyễn Thị Thu	Thảo	X			7	10.0	9.0	5.0	6.0	10.0	7.0	5.5	5.5	**7.8**	**7.2**
24	Đinh Thị Linh	Trang	X			7	6.0	7.0	5.0	5.0	7.5	8.0	4.0	4.5	**6.3**	**6.0**
25	Nguyễn Hồng	Trung				8	7.0	9.0	4.0	5.0	9.0	8.0	3.5	5.0	**5.5**	**6.2**
26	Nguyễn Văn	Trung				7	5.0	6.0	5.0	5.0	6.0	5.0	5.0	5.5	**4.5**	**5.3**
27	Phạm Thanh	Trường				3	5.0	3.0	5.0	4.5	6.8	3.5	3.0	2.5	**3.5**	**3.9**
28	Y -	TuânBkrông		X		5	2.0	8.0	5.0	3.0	6.0	5.5	4.5	4.5	**5.5**	**4.9**
29	Y	Vôl Êcăm		X		5	4.0	4.0	5.0	5.5	4.8	5.0	4.5	5.5	**5.5**	**5.0**

Thống kê	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên	
Điểm trung bình môn	0	0	11	38	15	51.7	2	6.9	1	3.4	26	89.7

Người Lập

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giáo Viên